



**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 31-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 42/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Q; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1957 tại Hải Dương; Nơi ĐKKTT: Số 1/5A Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình D sinh năm 1930 và bà Vũ Thị N sinh năm 1931; có vợ là Đào Thị P sinh năm 1960 và 02 con; tiền án tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2021 đến ngày 25/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Bảo Lãnh, có mặt.

Người làm chứng:

Bà Đào Thị P, có mặt.

Chị Vũ Thị Kim A, chị Nguyễn Thị D, chị Phạm Thị Phương A. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 ngày 09/9/2021, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng Công an huyện An Dương kiểm tra, phát hiện tại nhà số 37, tổ 4, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là nhà của Nguyễn Đức Q có 05 người có Quốc tịch Trung Quốc đang cư trú gồm:

- Ye Shuulong (phiên âm theo tiếng Việt là Diệp Thủy Long), sinh ngày 22/8/1979, có 01 trang nhân thân Hộ chiếu số EH6572094; CMND Trung Quốc số 350583197908223731 (bản photo);

- Wang Chuanping (phiên âm theo tiếng Việt là Vương Tuyên Bình), sinh ngày 10/9/1979, có 01 trang nhân thân Hộ chiếu số EF4843312; CMND Trung Quốc số 350403197912106012 (bản photo);

- Wang Chao (phiên âm theo tiếng Việt là Vương Siêu), sinh ngày 20/5/1994, có 01 trang nhân thân Hộ chiếu số EC9624430 (bản photo);

- Zheng Miao (phiên âm theo tiếng Việt là Trịnh Miểu), sinh ngày 27/4/1998, CMND Trung Quốc số 362322199804274218 (bản photo);

- Ji Zhen Hua (phiên âm theo tiếng Việt là Kỷ Chấn Hoa), sinh ngày 23/12/1998, không có tài liệu nhân thân.

Tiến hành ghi lời khai 05 đối tượng trên khai nhận phù hợp với kết quả xác minh tại Cục xuất nhập cảnh, có đủ căn cứ xác định 05 đối tượng trên đã nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam với mục đích lao động tự do.

Căn cứ sự việc có dấu hiệu của tội phạm Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép, quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự, ngày 10/9/2021 Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng đã chuyển vụ việc nêu trên tới Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tiến hành triệu tập, tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức Q khai nhận: nhà số 37, tổ 4, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc sở hữu của Q, do chưa có nhu cầu sử dụng căn nhà trên để ở nên Q đã treo biển cho thuê nhà và để lại số điện thoại của Q để ai có nhu cầu thuê nhà thì Q cho thuê.

Khoảng cuối tháng 7, đầu tháng 8/2020, chị Vũ Thị Kim A, ĐKHKT tại số 114 Lâm Sản, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, cư trú tại số 14, lô 2, khu tái định cư Hồ Đá, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đi cùng một người đàn ông người Trung Quốc đến gặp Q nói là thuê nhà giúp cho người đàn ông trên (theo Kim A khai có tên thường gọi là Yang, là người làm nghề kinh doanh quán ăn tại địa chỉ số 114, L6, K7 chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và thường mua sủi cảo của Kim A). Q đồng ý và thỏa thuận cho Yang thuê nhà từ tháng 9/2020 với giá 5 triệu đồng/tháng, Kim A giúp Yang thanh toán tiền. Đến tháng 11/2020, Kim A thông báo cho Q biết Kim A không thanh toán tiền thuê nhà giúp cho Yang nữa mà người mới có tên là Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/02/1996, ĐKHKT tại thôn 8, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải

Phòng sẽ giúp Yang thanh toán tiền thuê nhà. Đến khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6/2021, Dung thông báo cho Q biết việc thanh toán tiền nhà với Q sau này sẽ do Phạm Thị Phương A, sinh ngày 28/11/1999, ĐKKHKT và chỗ ở tại thôn Văn Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thực hiện.

Trong quá trình cho Thuê nhà, khoảng tháng 7/2021, thấy tiền điện thanh toán tăng cao, nghi ngờ có đông người đến ở, nên Q đã trực tiếp đến kiểm tra. Qua kiểm tra, Q phát hiện thấy có 03 người đàn ông Trung Quốc lạ mặt đang ở trong nhà Q (sau này xác định được những người trên là: Diệp Thủy Long, Vương Tuyên Bình và Vương Siêu), Q điện thoại cho Phương Anh nói chỉ cho 02 người ở và tăng giá tiền thuê nhà thành là 6,5 triệu đồng/tháng. Phương Anh đã thanh toán đủ số tiền thuê nhà theo yêu cầu của Q đến tháng 9/2021. Ngày 9/9/2021 thì bị cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện 3 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép và ở lại Việt Nam trái phép như trên.

Ngoài ra, khi kiểm tra nhà Q, Cơ quan chức năng còn phát hiện 02 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép và ở lại Việt Nam trái phép là: Trịnh Miếu và Kỷ Chân Hoa, 02 người này đến nhà Q ở vào thời điểm nào nào Q không biết.

Quá trình cho những người Trung Quốc trên thuê nhà, Q đã nhiều lần yêu cầu đưa giấy tờ xuất nhập cảnh và giấy tờ tùy thân để Q làm hợp đồng thuê nhà và khai báo tạm trú, nhưng những người trên đều khất lần, không đưa nên Q nhận thức được những người Trung Quốc trên nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và không được ở lại Việt Nam.

Q đã thu lời bất chính từ việc cho thuê nhà như trên số tiền 21.500.000 đồng. Hiện Q đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính trên (bút lục: 696).

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 05/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Q về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

Bị cáo khai nhận:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Ban đầu bị cáo không biết các đối tượng người Trung Quốc thuê nhà ở không được cấp phép ở Việt Nam. Tuy nhiên sau đó bị cáo đã nhiều lần yêu cầu 03 đối tượng trên xuất trình giấy tờ tùy thân nhưng không có nên bị cáo ý thức được rằng các đối tượng trên đều ở lại Việt Nam bất hợp pháp. Mặc dù vậy, do tham lợi từ việc cho thuê nhà ở nên bị cáo vẫn để các đối tượng thuê ở tại nhà của mình. Bị cáo đã thu lợi 21.500.000 đồng từ tiền cho thuê nhà và đã nộp lại toàn bộ số tiền trên. Bị cáo sử dụng 02 chiếc điện thoại Iphone và Nokia để liên lạc, cho các đối tượng thuê nhà và chuyển nhận tiền thuê nhà từ các đối tượng trên. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Người làm chứng là bà Đào Thị Phương trình bày:

Bà là vợ của bị cáo Nguyễn Đức Q. Bà có nghe bị cáo nói về việc cho người nước ngoài thuê nhà nhưng không biết các đối tượng thuê nhà không có giấy tờ tùy thân và ở lại Việt Nam trái phép. Bà xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Đức Q mặc dù biết rõ các đối tượng là Diệp Thủy Long, Vương Tuyên Bình và Vương Siêu đã nhập cảnh và ở lại Việt Nam mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, nhưng vì vụ lợi mà Nguyễn Đức Q đã cho 03 đối tượng trên ở thuê tại nhà của mình tại nhà số 37, tổ 4, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhằm hưởng lời sỗ tiền 21.500.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức Q đã phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung:* Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức Q phù hợp lời khai của những đối tượng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2021 đến ngày 09/9/2021, mặc dù biết rõ các đối tượng là Diệp Thủy Long, Vương Tuyên Bình và Vương Siêu đã nhập cảnh và ở lại Việt Nam mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, nhưng vì vụ lợi mà Nguyễn Đức Q đã cho 03 đối tượng trên ở thuê tại nhà của mình tại nhà số 37, tổ 4, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhằm hưởng lời sỗ tiền 21.500.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội

“Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” vi phạm khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây hậu quả để các đối tượng người nước ngoài cư trú bất hợp pháp tại Việt Nam trong một thời gian nhất định. Vì vậy, cần xét xử nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt:

[4] Bị cáo Nguyễn Đức Q nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Bị cáo đã từng có thời gian tham gia quân đội và được hưởng trợ cấp đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, có bố, mẹ được tặng Huân, huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bên cạnh đó bị cáo tuổi đã cao (65 tuổi), đã từng tham gia kháng chiến chống Mỹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ khoản 4 Điều 348, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét bị cáo đã quá tuổi lao động nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[7] Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo là công cụ bị cáo liên lạc để cho các đối tượng thuê nhà, chuyển nhận tiền thuê nhà nên cần tịch thu phát mại để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với số tiền 21.500.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Đức Q phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với đối tượng có tên “Anh Bảy” theo Diệp Thủy Long là người dẫn dắt Diệp Thủy Long đến ở tại ngôi nhà trên và thu tiền của Diệp Thủy Long. Đối tượng trên có dấu hiệu của hành vi tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam

trái phép. Cơ quan Điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không xử lý là có căn cứ.

[12] Đối với Vũ Thị Kim A là người đã có hành vi giới thiệu một người nam giới Trung Quốc thuê nhà của Q vào tháng 01/2020; Phạm Thị Phương A đã có hành vi giúp đối tượng Yang thuê nhà của Q vào cuối tháng 7, đầu tháng 8/2020 và giúp Yang thanh toán tiền thuê nhà cho Q; Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Ngân có hành vi giúp Yang thanh toán tiền thuê nhà cho Q, Hiện đối tượng Yang chưa xác định được lai lịch và chưa ghi được lời khai. Tài liệu chứng cứ không chứng minh được Kim A, Phương Anh, Dung, Ngân biết rõ Yang và những người Trung Quốc trên là người nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam bất hợp pháp, nên không đủ căn cứ để khởi tố đối với Kim A, Phương Anh, Dung, Ngân về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép, quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Điều tra không xử lý các đối tượng trên là có căn cứ.

[13] Đối với 02 đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và ở lại Việt Nam trái phép là: Trịnh Miếu và Kỷ Chấn Hoa đến ở nhà Q vào thời điểm nào Q không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Đức Q cho Ủy ban nhân dân xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại để sung ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu bạc đã qua sử dụng có số seri F2MNVU64G5QR, số imei: 354378069620427 được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, mép phong bì có chữ ký đề tên Nguyễn Mạnh Linh, Nguyễn Đức Q và Trần Thị Hòa.

Tịch thu phát mại để sung ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng có số seri 357380049029627 được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, mép phong bì có chữ ký đề tên Nguyễn Mạnh Linh, Nguyễn Đức Q và Trần Thị Hòa.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 30/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 21.500.000 (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 30/12/2021 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

3. *Về án phí*: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức Q phải nộp tiền số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 61; Điều 62; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình